

# ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐÔ THỊ Ở HÀ NỘI HIỆN NAY

HOÀNG THU HƯƠNG<sup>(\*)</sup>

Thông thường số lượng tín đồ của một tôn giáo sẽ cho biết phạm vi ảnh hưởng của tôn giáo đó trong đời sống xã hội. Song với Phật giáo Việt Nam, việc xem xét số lượng tín đồ chưa phản ánh đầy đủ ảnh hưởng của Phật giáo tới xã hội. Mặt khác, một số nhà nghiên cứu cho rằng Phật giáo là một tôn giáo có sức thu hút lớn đối với nhiều nhóm dân cư khác nhau nhưng việc thống kê tín đồ đạo Phật đến nay vẫn rất khó khăn. Theo GS. Đỗ Quang Hưng “Thông thường thì chắc hẳn ‘người Phật tử’ phải là người *quy y Tam bảo*. Nhưng ở Việt Nam, bản thân việc xác định người quy y đã khó (và cũng khó kiểm soát số lượng), người tu tại gia (cư sĩ, giới cư sĩ theo Thái Hư, đó là tương lai của Phật giáo hiện đại) lại càng khó xác định” (Đỗ Quang Hưng, 2010, tr.249). Việc xác định tín đồ Phật giáo gặp nhiều khó khăn bởi thực tế “có một nghịch lý là đa số người trả lời mình không thuộc về một tôn giáo nào, nhưng vẫn tham gia các sinh hoạt có tính tôn giáo cụ thể” (Nguyễn Kim Hiền, 2000, tr.33). Thêm vào đó, sự gắn bó của các nghi lễ Phật giáo với các nghi lễ mang tính dân gian trong các ngôi chùa đôi khi khiến người tham dự khó có thể phân biệt được. Mặc dù đã có một số

công trình nghiên cứu đề cập đến hoạt động của Phật giáo trong xã hội đương đại, song chưa có công trình nào phân tích chi tiết về cộng đồng người theo Phật giáo và vai trò sinh hoạt Phật giáo đối với đời sống văn hóa của người dân Thủ đô Hà Nội. Từ góc độ xã hội học, bài viết phân tích sức thu hút của Phật giáo đối với cộng đồng dân cư đô thị dựa trên kết quả khảo sát định lượng và định tính cộng đồng người theo Phật giáo tại chùa Hà, chùa Quán Sứ ở Hà Nội với tổng mẫu khảo sát năm 2004<sup>(\*\*)</sup> là 534 người (230 người tại chùa Quán Sứ và 304 người tại chùa Hà), năm 2011<sup>(\*\*\*)</sup> là 577 người (242 người tại chùa Quán Sứ và 335 người tại chùa Hà) và năm 2014<sup>(\*\*\*\*)</sup> tại chùa Thăng Nghiêm là 132 người (tham dự lễ Đản Họa Thực).

(\*) PGS. TS., Trường Đại học KHXH&NV.

(\*\*) Dữ liệu đề tài luận án tiến sĩ của Hoàng Thu Hương (2007), *Cơ cấu nhân khẩu xã hội của người đi lễ chùa ở nội thành Hà Nội hiện nay* (Nghiên cứu trường hợp chùa Quán Sứ và chùa Hà).

(\*\*\*) Dữ liệu khảo sát phục vụ cho việc xuất bản cuốn sách *Chân dung xã hội của người đi lễ chùa ở Hà Nội hiện nay* (Hoàng Thu Hương, 2012).

(\*\*\*\*) Nguồn dữ liệu này được khai thác từ dữ liệu khảo sát của đề tài *Đạo đức Phật giáo và tình thân kinh doanh của người dân đô thị Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường* do tác giả làm chủ nhiệm, được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED, mã số VIII.1.1-2012.05).

Qua đó, làm rõ phạm vi ảnh hưởng của Phật giáo cũng như vai trò của Phật giáo đối với cộng đồng người theo Phật giáo ở Hà Nội.

### 1. Đặc điểm cộng đồng người theo Phật giáo tại Hà Nội

Trong bài viết này, khái niệm cộng đồng theo Phật giáo được xác định là những người thường xuyên tham gia sinh hoạt Phật giáo, không chỉ bao gồm các Phật tử (những người đã quy y Tam bảo) mà còn cả những người đều đặn thực hiện nghi lễ dâng hương tại chùa vào ngày rằm, mồng một âm lịch hàng tháng<sup>(\*)</sup>. Trong các cuộc khảo sát tại 3 ngôi chùa (chùa Quán Sứ, chùa Hà và chùa Thăng Nghiêm - nơi thu hút được khá nhiều Phật tử trẻ từ nội thành đến nghe giảng pháp), nghiên cứu của chúng tôi sử dụng câu hỏi “Ông/bà đã quy y Tam bảo chưa?” làm chỉ báo xác định Phật tử.

Kết quả khảo sát tại chùa Quán Sứ và chùa Hà cho thấy, số lượng Phật tử chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cộng đồng người theo đạo Phật. Nếu như vào thời điểm 2004, đặc trưng của ngôi chùa dường như ít ảnh hưởng tới cơ cấu Phật tử tại hai chùa này thì tới năm 2011, đặc trưng của ngôi chùa đã có tác động tới đặc trưng của nhóm người đi lễ. Tỷ lệ Phật tử ở chùa Quán Sứ và chùa Hà chênh lệch không đáng kể vào thời điểm khảo sát năm 2004 (5% tại chùa Hà và 9,7% tại chùa Quán Sứ). Đến

năm 2011, tỷ lệ Phật tử ở chùa Quán Sứ đã tăng lên là 25,9%, còn tỷ lệ Phật tử ở chùa Hà hầu như không biến đổi, chỉ chiếm 6% tổng số người đi lễ chùa (Hoàng Thu Hương, 2012). Khác với hai chùa ở nội thành, kết quả khảo sát những người tham dự nghi lễ Đền Hỏa Thực tại chùa Thăng Nghiêm (2014) cho thấy 75% số người được hỏi khẳng định họ là Phật tử, nhưng chỉ có 60,6% đã quy y Tam bảo. Điều này cho thấy có sự phân hóa trong cộng đồng người theo đạo Phật, tùy đặc điểm ngôi chùa và thời điểm khảo sát mà tỷ lệ Phật tử trong mẫu khảo sát khác nhau. Song qua các khảo sát nói trên có thể thấy Phật giáo đã và đang “lan tỏa” tới nhóm không phải Phật tử. Bảng 1 chỉ ra một số đặc điểm khác nhau của cộng đồng người theo Phật giáo.

**Bảng 1: Đặc điểm cộng đồng người theo Phật giáo tại Hà Nội**

| Tiêu chí so sánh                          | Chùa Quán Sứ | Chùa Hà | Chùa Thăng Nghiêm |
|---|--------------|---------|-------------------|
| Tỷ lệ nữ trong mẫu                        | 0,64%        | 0,7%    | 0,6%              |
| Độ tuổi cao nhất                          | 87           | 86      | 64                |
| Độ tuổi thấp nhất                         | 14           | 14      | 20                |
| Độ tuổi trung bình                        | 42,0         | 30,5    | 34,5              |
| Tỷ lệ người có trình độ cao đẳng, đại học | 52,5%        | 77,6%   | 66,7%             |

Nguồn: Hoàng Thu Hương, 2012, 2014

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi tại chùa Quán Sứ và chùa Hà, cộng đồng người theo Phật giáo ở Hà Nội hiện nay có cơ cấu trẻ, trình độ học vấn trung bình tương đối cao, trong số đó có thể thấy nữ giới chiếm ưu thế. Tuy nhiên, đặc điểm của cộng đồng theo Phật giáo ở mỗi ngôi chùa cũng có sự khác biệt nhất định. Nếu so sánh với chùa Quán Sứ và chùa Thăng Nghiêm thì chùa

<sup>(\*)</sup> Do chưa có điều kiện khảo sát về những người tu tại gia nên bài viết này chỉ đề cập đến những người thường xuyên tham gia nghi lễ dâng hương tại chùa.

Hà có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với thanh niên, đặc biệt là nữ thanh niên.

Như vậy, cộng đồng người theo Phật giáo ở Hà Nội hiện nay khá đa dạng, bao gồm nhiều nhóm dân cư khác nhau, song đặc trưng của mỗi ngôi chùa cũng có ảnh hưởng nhất định tới đặc điểm cộng đồng theo Phật giáo tại ngôi chùa đó. Quan sát tại các ngôi chùa ở Hà Nội hiện nay, có thể thấy rằng người ta đi chùa quanh năm. Vào những dịp đầu năm, cuối năm, lễ hội, những ngày lễ chính của Phật giáo, rằm và mùng một, lượng người tới chùa dâng hương tăng lên rất nhiều. Mặc dù vậy, tỷ lệ Phật tử trong cộng đồng theo Phật giáo ở Hà Nội hiện còn khá khiêm tốn.

## 2. Ảnh hưởng của Phật giáo tới đời sống cá nhân

Vào những năm 1980, nhà xã hội học Rodney Stark và William Sims Bainbridge đã vận dụng lý thuyết trao đổi vào nghiên cứu tôn giáo. Stark và Bainbridge cho rằng tôn giáo là một nỗ lực cần thiết để thỏa mãn những ước muốn, hay chúng đưa ra những phần thưởng bảo đảm. Những phần thưởng là bất cứ cái gì mà con người khao khát và sẵn sàng chấp nhận mất một vài chi phí để đạt được. Các phần thưởng có thể là các sự vật cụ thể, cũng có thể là các sự vật không có thực hoặc không tồn tại. Chi phí là bất cứ cái gì mà con người cố gắng tránh. Do đó, một chi phí sẽ được chấp nhận khi nó có thể đem lại cho con người một phần thưởng cao hơn chi phí đó (Xem Hamilton, 2001). Từ góc độ lý thuyết trao đổi, ảnh hưởng của Phật giáo tới đời sống cá nhân được nhìn nhận qua phân tích các chi phí liên quan đến thực hành nghi lễ, những điều người theo Phật giáo muốn tránh và cái được khi tham gia hoạt động Phật giáo theo đánh giá của những người theo đạo Phật.

Trước hết, xét về chi phí đối với việc tham gia nghi lễ Phật giáo như chi phí thời gian và chi phí tiền bạc. Chi phí thời gian là chi phí dành cho sự thực hành nghi lễ tại chùa hay tại gia. Chi phí tiền bạc là các loại chi phí dành cho việc chuẩn bị đồ lễ, tiền công đức, cúng dường và tiền đóng góp cho hoạt động từ thiện xã hội của nhà chùa.

*Chi phí thời gian:* nghiên cứu về người đi lễ chùa cho thấy, thời gian dành cho việc thực hiện nghi lễ dâng hương tại chùa tối thiểu từ 15 - 30 phút và khoảng thời gian này phần lớn được thực hiện trong giờ làm việc. Đối với việc thực hành nghi lễ tại gia, có 43 người (chiếm 35,6%) được phỏng vấn tại chùa Thăng Nghiêm cho biết họ thường xuyên hoặc thỉnh thoảng có thực hành nghi lễ tại gia. Thời gian tối thiểu dành cho việc thực hành nghi lễ này là 5 phút, tối đa là 120 phút và trung bình là 54,3 phút. Ngược lại với việc thực hiện nghi lễ tại chùa, những người thực hành lễ Phật tại gia thường thực hành nghi lễ này ngoài giờ làm việc (Hoàng Thu Hương, 2012).

*Chi phí tiền bạc:* kết quả khảo sát năm 2004 cho thấy, 97% số người được hỏi có bỏ tiền công đức khi đi lễ chùa. Bên cạnh đó, với những người theo đạo Phật, từ thiện và cúng dường là những việc làm rất quen thuộc. Với câu hỏi: “Nếu ông/bà đã chi đủ cho mọi khoản thiết yếu nhất cho cuộc sống và công việc, vẫn còn dư 10 đồng thì ông/bà sẽ làm gì với 10 đồng còn lại?”, có 71,9% số người được hỏi cho biết họ sẽ dành tiền cho hoạt động từ thiện với mức trung bình là 3,2/10 đồng, 51,2% cho biết họ sẽ dành cho việc cúng dường với mức trung bình là 2,83/10 đồng (Hoàng Thu Hương, 2014). Kết quả này gợi ra rằng,

những người có niềm tin vào đạo Phật có xu hướng sẵn sàng tham gia hoặc đóng góp cho các hoạt động từ thiện xã hội.

Như vậy, nếu phân tích những chi phí bề nổi của việc tham gia Phật giáo, những người theo đạo Phật sẵn sàng chấp nhận những chi phí về thời gian cũng như tiền bạc. Vậy điều mà những người theo đạo Phật mong muốn đạt được khi theo đạo Phật là gì?

Xét về mặt phần thưởng, cái được với người theo Phật giáo khi thực hành nghi lễ Phật giáo là sự thay đổi về mặt cảm giác, về nhận thức và hành vi trong cuộc sống thường ngày. Có tới 81,9% người trả lời cho rằng cảm giác đạt được phổ biến nhất sau khi thực hành nghi lễ là “thanh thản, nhẹ nhàng” (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.152). 25/30 người được phỏng vấn sâu trong năm 2014 cũng cho biết họ tìm thấy sự thanh thản, tĩnh tâm khi tham gia nghi lễ Phật giáo (Hoàng Thu Hương, 2014). Sự thay đổi về mặt nhận thức được thể hiện ở tâm thế hướng thiện của đa số người đi lễ chùa. 89,1% số người được khảo sát cho biết họ có tham gia các hình thức từ thiện khác nhau, trong đó có 28,7% từ thiện theo hình thức ủng hộ tiền trực tiếp cho các hoạt động phúc lợi của nhà chùa, 24,8% từ thiện trực tiếp đối với các hoàn cảnh khó khăn, 7% ủng hộ tăng đoàn và 28,7% có tham gia từ hai hình thức từ thiện trở lên (Hoàng Thu Hương, 2014).

Ngoài ra, khi xem xét đặc điểm cộng đồng người theo Phật giáo theo đặc trưng nghề nghiệp, nhóm tham gia hoạt động kinh tế chiếm 16,1% tổng số nhóm người trả lời và chiếm 20% tổng số người đang hoạt động nghề nghiệp (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.81). Bên cạnh đó, quan sát những thông tin trên

truyền thông đại chúng cho thấy, Phật giáo đang có ảnh hưởng khá rõ tới nhóm doanh nhân. Theo chúng tôi, đến nay có hai doanh nghiệp chính thức công bố trên website của mình cho rằng văn hóa doanh nghiệp của họ được xây dựng trên nền tảng đạo đức Phật giáo và các thành viên trong công ty thường xuyên thực hành nghi lễ Phật giáo ngay tại nơi làm việc. Một doanh nghiệp đã thành lập riêng một đạo tràng, hàng tháng đều mời sư thầy về thuyết pháp cho nhân viên và một số Phật tử muốn tham dự. Hơn nữa, nhiều doanh nhân nổi tiếng trong xã hội hiện nay cũng thừa nhận mình là Phật tử. Những ghi nhận gần đây cho thấy sự tham gia nghi lễ Phật giáo của nhóm người làm kinh doanh không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới cá nhân họ, mà còn bắt đầu có sự lan tỏa đối với cộng đồng xung quanh.

Bên cạnh đó, từ những tác động đến cảm xúc và nhận thức khi thực hành nghi lễ, tác động quan trọng hơn đối với người theo Phật giáo là sự tác động tích cực đến hành vi ứng xử hàng ngày. Mức độ đồng tình với nhận định *tôi không bao giờ có ý nghĩ gây hại tới bất cứ ai* đạt 4,27/5 điểm và 4,3/5 điểm với nhận định *tôi luôn ý thức về hệ quả của từng hành động của mình* (Hoàng Thu Hương, 2014). Điều này cho thấy quan điểm nhân quả của đạo Phật có ảnh hưởng sâu sắc tới suy nghĩ của những người theo đạo Phật.

Như vậy, việc tham gia nghi lễ Phật giáo có những tác động tích cực nhất định tới cộng đồng theo Phật giáo. Nhờ sự thực hành nghi lễ khiến cho họ vững tin hơn vào cuộc sống, vào hành động của bản thân cũng như có niềm tin vào người khác. Bên cạnh đó, những định hướng giá trị của đạo Phật cũng dần

dẫn thâm thấu vào hành vi của người theo Phật giáo dù họ có ý thức được hay không ý thức được điều đó.

### 3. Ảnh hưởng xã hội của các hoạt động nghi lễ Phật giáo

Hiện nay, số lượng người đi chùa, đặc biệt ở khu vực đô thị tăng lên rất nhiều và điều này tạo ra một số hệ quả xã hội. Vào những ngày lễ lớn trong năm, các ngôi chùa lớn có thể đón tiếp hàng nghìn lượt người tới cúng lễ mỗi ngày. Với chùa Quán Sứ và chùa Hà, trung bình trong mỗi đơn vị quan sát (30 phút) có khoảng 200 - 300 người tới lễ chùa vào ngày rằm, mồng một âm lịch hàng tháng (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.158). Việc tham gia các nghi lễ Phật giáo của cộng đồng người theo Phật giáo có những tác động nhất định tới các ngôi chùa và môi trường xã hội xung quanh chùa như nguồn thu, môi trường và cách quản lý của các ngôi chùa, bên cạnh đó cũng làm phát sinh một số loại hình dịch vụ phục vụ nhu cầu của cộng đồng người theo Phật giáo. Một số tác động xã hội tới ngôi chùa có thể nhận thấy như:

*Thứ nhất*, trên thực tế chưa có một thống kê chính thức nào về nguồn thu của các ngôi chùa. Cộng đồng người theo Phật giáo thường xuyên có những đóng góp cho các ngôi chùa qua hình thức công đức và một lượng lớn tiền lễ thường được sử dụng như tiền cúng<sup>(\*)</sup>.

(\*) Tiền cúng là loại tiền có mệnh giá nhỏ, vào thời điểm nghiên cứu là tờ tiền 200, 500, 1.000, 2.000 đồng, hiện nay chỉ còn ít tiền 500 đồng, chủ yếu là tiền 1.000, 2.000 đồng. Tờ tiền 200 đồng hiện nay hầu như ít lưu thông trên thị trường và cũng hiếm khi xuất hiện trên các ban thờ trong chùa. Qua quan sát, tờ 500 đồng cũng có thể sắp rơi vào tình trạng tương tự. Tiền lễ trở thành một loại đồ lễ mới bởi những người theo Phật giáo quan niệm rằng sử dụng tiền lễ đảm bảo *tính gọn*

Mặc dù những người theo Phật giáo cho rằng họ chỉ đóng góp những khoản rất nhỏ cho nhà chùa, song với số lượng nhiều người đóng góp đã tạo nên nguồn thu khá lớn cho các ngôi chùa. Do vậy, có thể quan sát thấy hoạt động trùng tu, sửa chữa, xây mới các ngôi chùa đang diễn ra khá phổ biến trên khắp đất nước hiện nay.

*Thứ hai*, tình trạng ô nhiễm môi trường ở các ngôi chùa do đốt hương và vàng mã đã và đang ở mức báo động mặc dù các ngôi chùa đã cố gắng hạn chế việc đốt hương và vàng mã. Trong tâm thức người theo Phật giáo, hương được xem như một “phương thức để kết nối sự liên hệ giữa con người trong thế giới trần tục và các đấng siêu nhiên” (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.134), nên hương là loại đồ lễ không thể thiếu khi người đi lễ bắt đầu việc thực hành nghi lễ dâng hương tại chùa. Ngoài ra, đa số người theo Phật giáo đều thừa nhận đốt vàng mã là lãng phí khi sử dụng các loại vàng mã lớn (như nhà cửa, xe cộ...), còn sử dụng “tiền vàng” lại là hợp lý (Hoàng Thu Hương, 2007, 2012). Chính những thói quen trong thực hành nghi lễ tại chùa khiến tình trạng ô nhiễm môi trường tại các ngôi chùa lớn luôn là vấn đề rất khó giải quyết.

*Thứ ba*, theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), có một số loại hình dịch vụ Phật giáo đang tồn tại như lễ cúng cầu an, lễ cúng cầu siêu

*nhẹ, tránh tình trạng lãng phí, có ý nghĩa thiết thực với nhà chùa và chỉ có mệnh giá nhỏ.* “Tiền trở thành một loại đồ lễ mới cho thấy tính thực dụng trong suy nghĩ và hành vi của người đi lễ chùa. Người đi lễ chùa hiện nay có ý thức khá rõ ràng trong việc sử dụng tiền cúng, trong khi đó, việc đặt lễ bằng hương, hoa, quả, vàng mã... thường không có được sự rõ ràng như vậy” (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.143).

và lễ chạy đàn Dược Sư (mang tính chất nghi lễ Phật giáo) và lễ cúng sao giải hạn, lễ bán khoán, lễ cắt giải tiên duyên (mang tính chất đạo giáo và tín ngưỡng dân gian). Chính những nghi lễ không mang tính chính thống lại là phương tiện để Phật giáo truyền bá giáo lý và duy trì ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Do đó, hầu hết các ngôi chùa mang tính chính thống của Phật giáo hiện nay đều cung cấp các dịch vụ Phật giáo cho những người có nhu cầu. Trong khi đó, ngôi chùa mang tính dân gian như chùa Hà lại không có những hình thức dịch vụ này.

Ngoài ra, còn có những hệ quả xã hội khác nảy sinh xung quanh các hoạt động nghi lễ Phật giáo, cụ thể là các dịch vụ ăn theo xung quanh các ngôi chùa (trông xe, bán đồ lễ, viết số, khấn thuê, đổi tiền lễ,...). Tại chùa Quán Sứ và chùa Hà, các loại hình dịch vụ nổi bật phục vụ nhu cầu của cộng đồng người theo Phật giáo là dịch vụ viết số, bán đồ lễ và đổi tiền lễ.

*Dịch vụ viết số:* Số được xem là phương tiện giao tiếp với thần linh. Để đáp ứng nhu cầu của những người theo Phật giáo, viết số đã trở thành một nghề. Kết quả khảo sát tại chùa Hà cho thấy: “Thông thường vào ngày rằm, mồng một thì ở đây có 9 đến 12 thầy viết số, còn vào dịp Tết thì có tới 14 thầy viết số - một thầy viết số ở chùa Hà cho biết” (Hoàng Thu Hương, 2012, tr.171-172). Khác với chùa Hà, trước năm 2005 xung quanh khu vực chùa Quán Sứ chưa có dịch vụ viết số. Tuy nhiên, tới thời điểm đầu năm 2005 bắt đầu xuất hiện dịch vụ này ở khu vực hành lang trong chùa và chưa có sự định hình rõ rệt. Và có một điểm khác biệt là những tờ số bằng chữ Quốc ngữ được bày bán

phổ biến xung quanh chùa để người đi lễ mua và tự viết số cho mình (Hoàng Thu Hương, 2007, 2012). Nhìn chung, dịch vụ viết số mang tính thời điểm và sự xuất hiện của nó phản ánh kết quả tương tác giữa cung và cầu trong cộng đồng người theo Phật giáo.

*Dịch vụ bán đồ lễ:* Nhu cầu chuẩn bị lễ vật cho việc thực hành nghi lễ đã làm nảy sinh các hoạt động bán đồ lễ nhằm đáp ứng nhu cầu đó. Dịch vụ bán đồ lễ cũng là hình thức dịch vụ mang tính thời điểm. Quan sát cho thấy có 2 loại quầy hàng bán đồ lễ: chính thức (có đăng ký kinh doanh) và phi chính thức (không có đăng ký kinh doanh, chỉ xuất hiện vào thời điểm có đông người đi lễ). Số quầy hàng bán đồ lễ phi chính thức thường là nhỏ, cơ động (thường xuyên dịch chuyển khi có sự xuất hiện của lực lượng trật tự đô thị), mặt hàng ít phong phú.

*Dịch vụ đổi tiền lễ:* Nhu cầu sử dụng tiền lễ để làm tiền cúng đặt trên các ban thờ đã làm nảy sinh dịch vụ đổi tiền lễ xung quanh các ngôi chùa. Dịch vụ đổi tiền lễ diễn ra khá phổ biến ở chùa Hà từ đầu những năm 2000, song tới năm 2003, quan sát các cửa hàng bán đồ lễ xung quanh chùa Quán Sứ cho thấy chưa có một cửa hàng nào có đổi tiền lễ cho người đi lễ<sup>(\*)</sup>. Đến năm 2004, trong số 16 quầy hàng bán đồ lễ xung quanh chùa Quán Sứ đã xuất hiện 1 quầy hàng bày tiền lễ để đổi cho người có nhu cầu. Cho đến nay, dịch vụ đổi tiền lễ đã phổ biến hơn xung quanh ngôi chùa này.

(\*) Một cuộc đối thoại giữa người mua và người bán được ghi nhận vào ngày 2/4/2003 tại cổng chùa Quán Sứ như sau: B: - Mua gì không anh ơi? M: - Có đổi tiền lễ không? B: - Không có đâu. (Quay sang nói chuyện với bà bán xôi ngồi cạnh) Sao hôm nay nhiều người đổi tiền thế không biết mà mình thì lại không có. Hàng họ thế này thì chết đói thôi (thở dài) (Hoàng Thu Hương, 2012).

Đặc điểm chung về các loại hình dịch vụ phát sinh xung quanh các ngôi chùa đó là tính thời điểm. Các loại hình dịch vụ này đã đóng góp không nhỏ vào đời sống kinh tế của cộng đồng dân cư xung quanh các ngôi chùa, góp phần tạo thêm thu nhập cho một nhóm dân cư nhất định.

#### 4. Kết luận

Trong xã hội Việt Nam đương đại, Phật giáo là một tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội. Phạm vi ảnh hưởng của Phật giáo không thể xác định bằng số lượng tín đồ chính thức của Phật giáo. Tại địa bàn Hà Nội, số lượng tín đồ của Phật giáo nhỏ hơn rất nhiều so với những người thường xuyên tham gia thực hành nghi lễ Phật giáo. Cộng đồng người theo Phật giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về thành phần xã hội, song xét về cơ cấu vẫn thiên về nhóm nữ và thanh niên, đặc biệt vào những ngày rằm, mồng một. Đạo Phật có ảnh hưởng tới tâm lý, nhận thức cũng như hành vi của những người tham gia, khiến họ có tâm thế sống thiện hơn. Chính sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với cả những người chưa chính thức theo đạo Phật đã khiến nảy sinh không ít loại hình dịch vụ nghi lễ cũng như dịch vụ phục vụ nghi lễ Phật giáo. Sự xuất hiện của một số loại hình dịch vụ Phật giáo và dịch vụ phục vụ nghi lễ Phật giáo phản ánh mối quan hệ tương tác giữa nguồn cung dịch vụ tôn giáo và nhu cầu về tôn giáo của người dân. Chiều cạnh động trong mối quan hệ giữa dịch vụ tôn giáo và nhu cầu tôn giáo của người dân bước đầu được đề cập đến trong bài viết này vẫn cần tiếp

tục được bàn luận thêm ở các nghiên cứu sau □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Hiền (2000), “Từ những điều tra xã hội học năm 1995 - 1998 suy nghĩ về sự vận động của các tôn giáo Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 1.
2. Đỗ Quang Hưng (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
3. Hoàng Thu Hương (2012), *Chân dung xã hội của người đi lễ chùa hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Thu Hương (2014), Dữ liệu khảo sát tại chùa Thăng Nghiêm thuộc Đề tài *Đạo đức Phật giáo và tinh thần kinh doanh của người dân đô thị Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, mã số Nafosted VIII1.1-2012.05.
5. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2008), *Dịch vụ Phật giáo: Hoạt động mang tính dân gian và là cách thức giải quyết nhu cầu tâm linh tín đồ của Phật giáo Việt Nam đương đại (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội)*, trong: *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Đặng Nghiêm Vạn (2001), “Một số vấn đề lý luận và thực trạng tôn giáo Việt Nam”, trong cuốn: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Religion and Rational Choice, trong Hamilton, Malcolm (2001), *The Sociology of Religion*, Routledge, USA.